CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP CNC Capital Việt Nam

Ngày 31/12/2025	2,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.3%	**5.3%**	**17.6%**

DT thuần
Q4/25
1.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.31| 25.2%
YoY: ▲ 1.42| 1183%

LN thuần
Q4/25
11.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 1282%
YoY: ▲ 15.5| 355%

LN sau thuế
Q4/25
11.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 1280%
YoY: ▲ 15.3| 367%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
243%
YoY: +/-▲ 216%

ROE
2025
2.2%
YoY: +/-▲ 3.9%

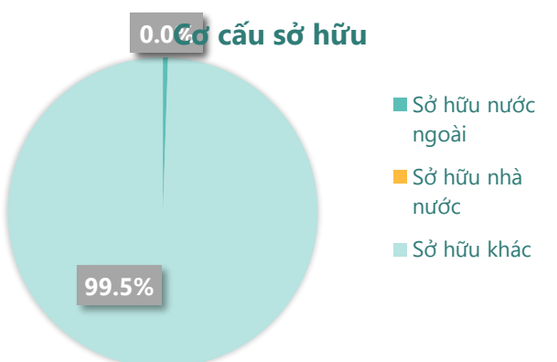
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	109,440
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.20
EPS	197
P/E	10.1

DT thuần
2025
3.09
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.36| -58.6%

LN thuần
2025
5.94
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.6| 228%

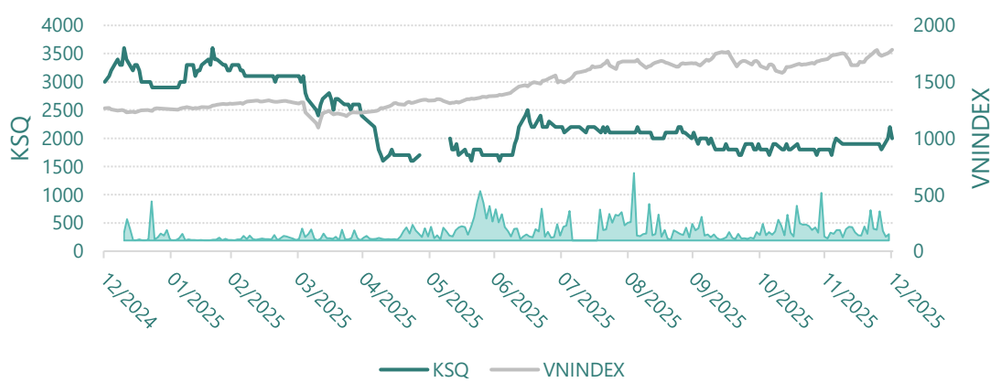
LN sau thuế
2025
5.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.4| 233%

Cơ cấu sở hữu

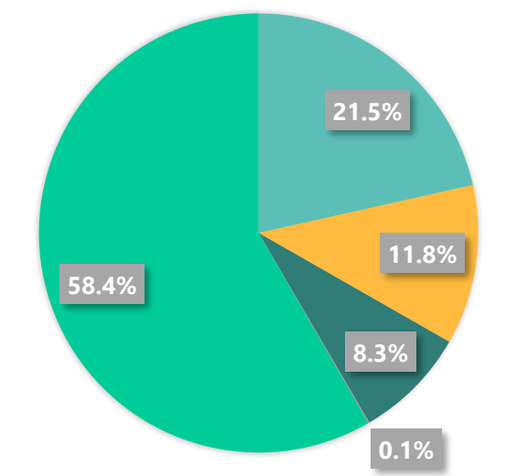


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



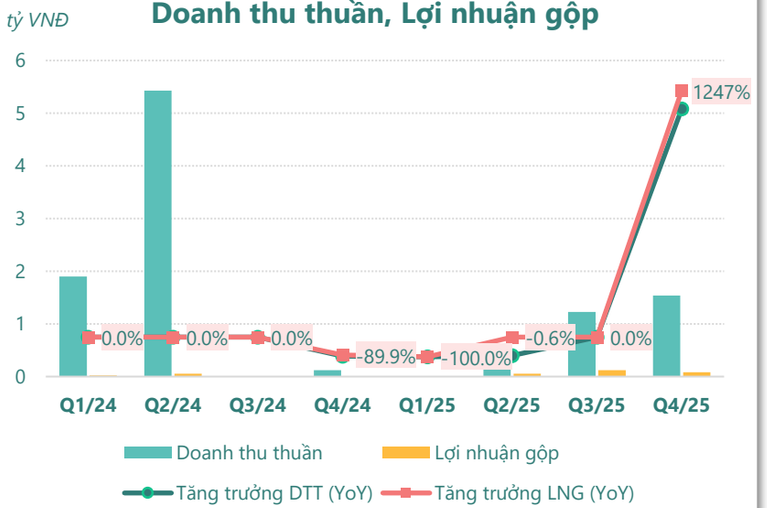
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

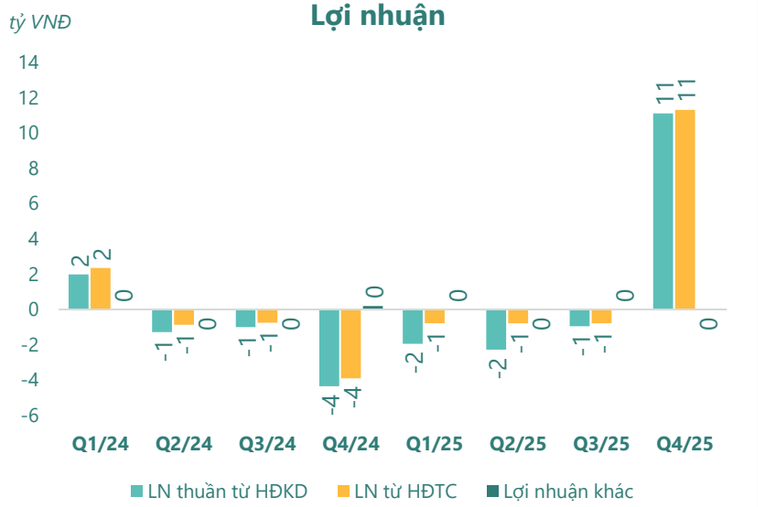
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



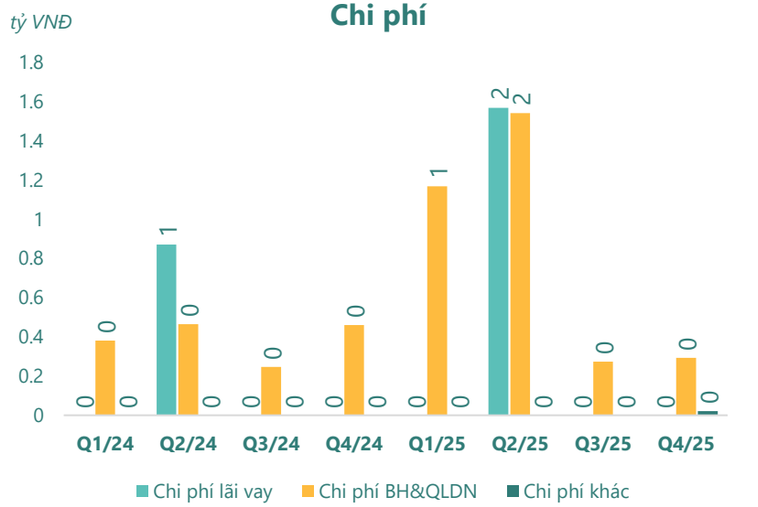
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



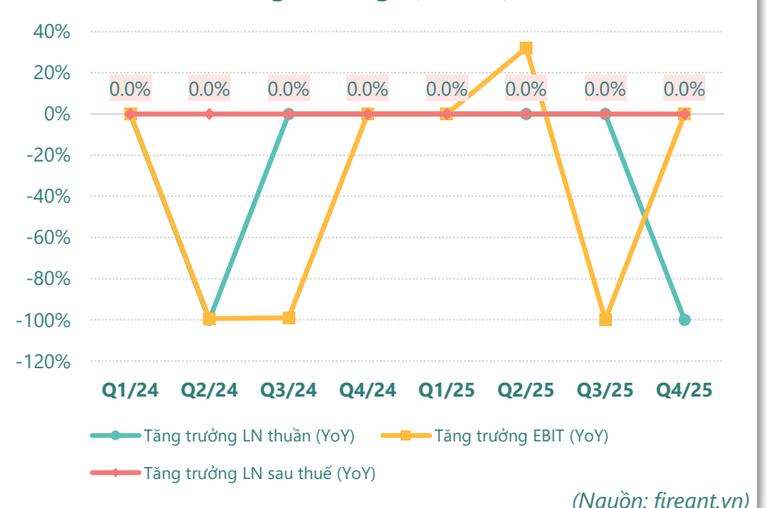
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



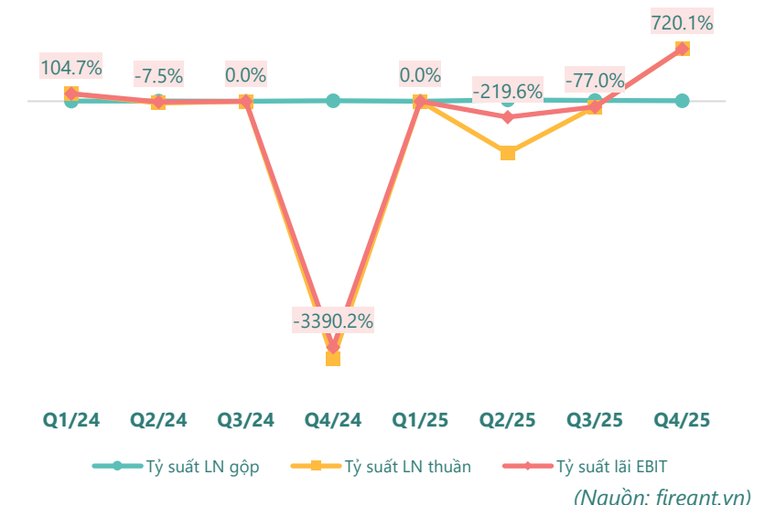
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



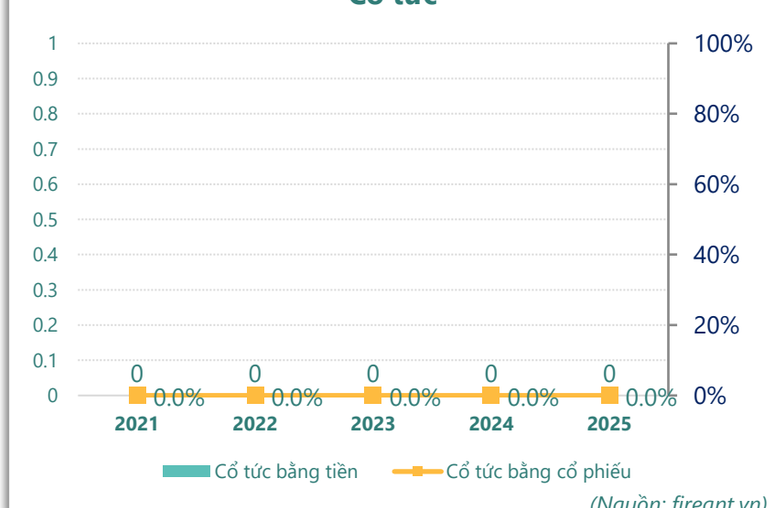
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

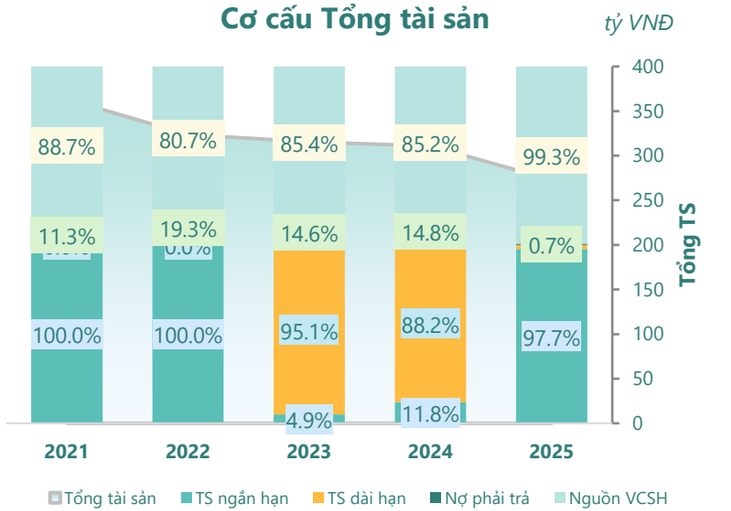
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

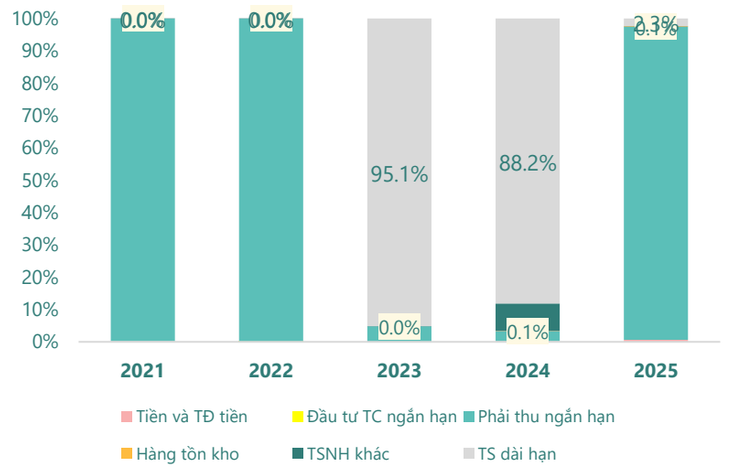
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



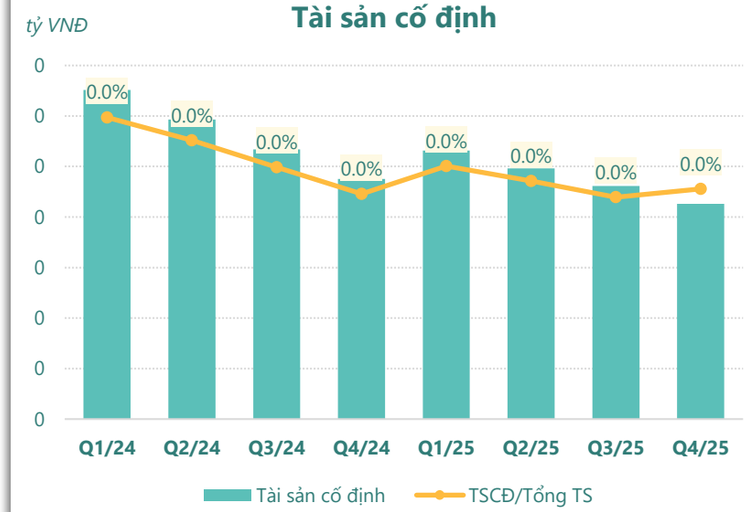
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



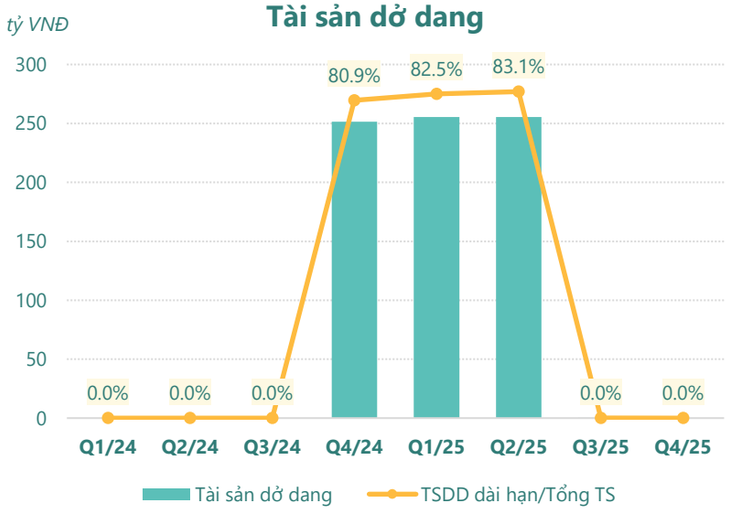
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



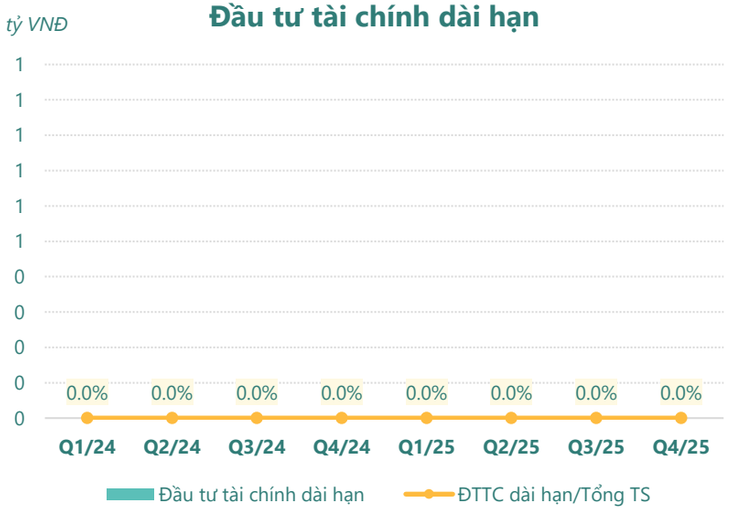
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



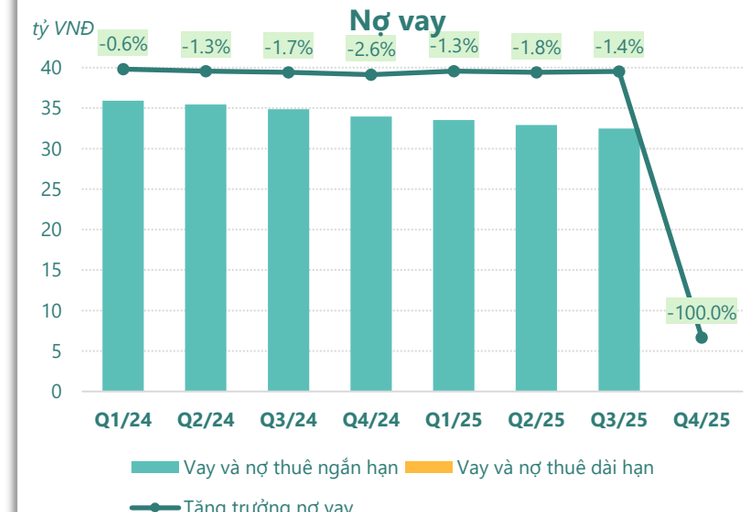
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

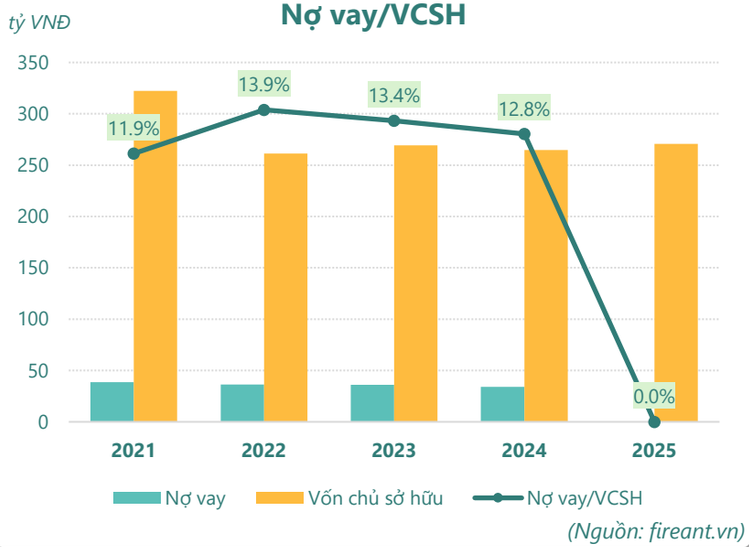
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

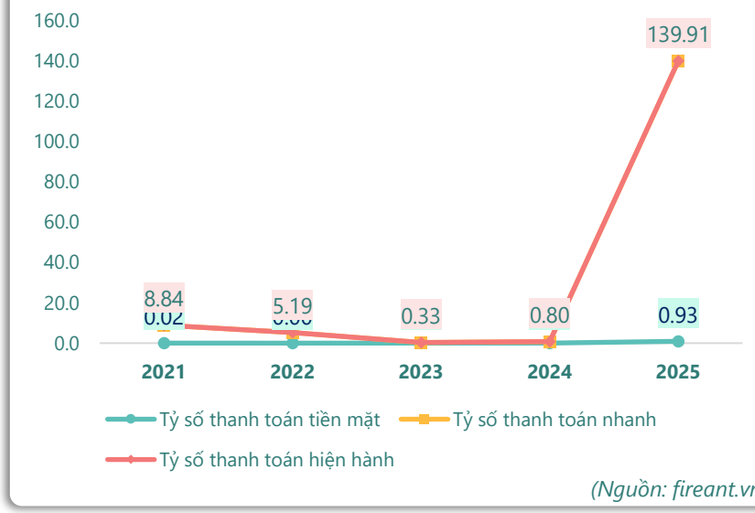
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



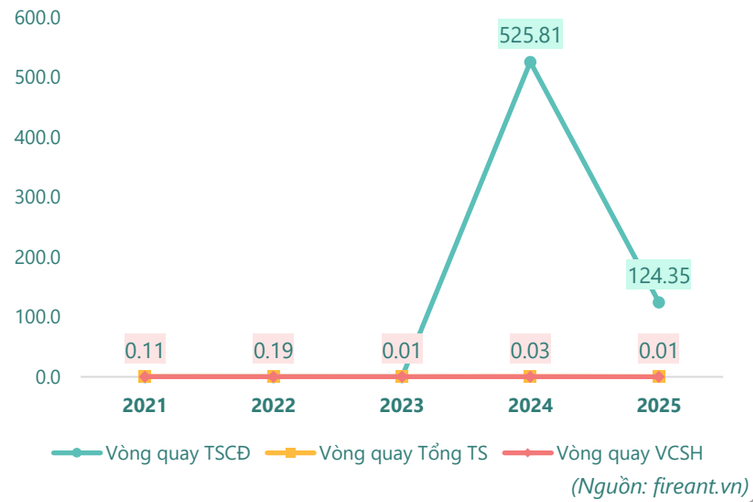
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



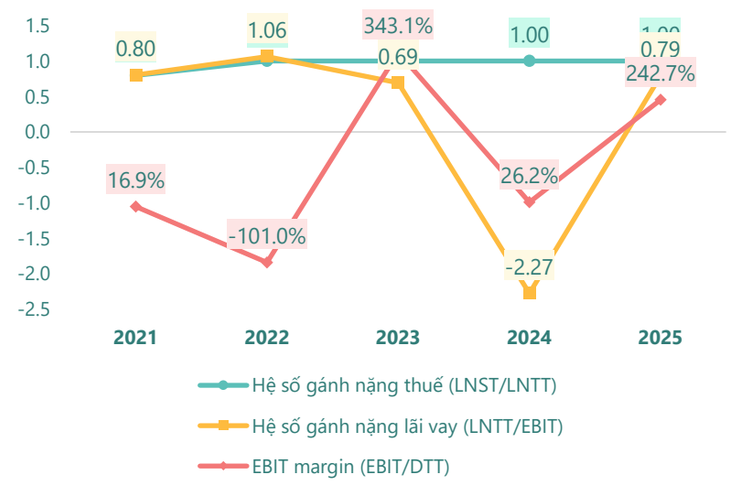
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



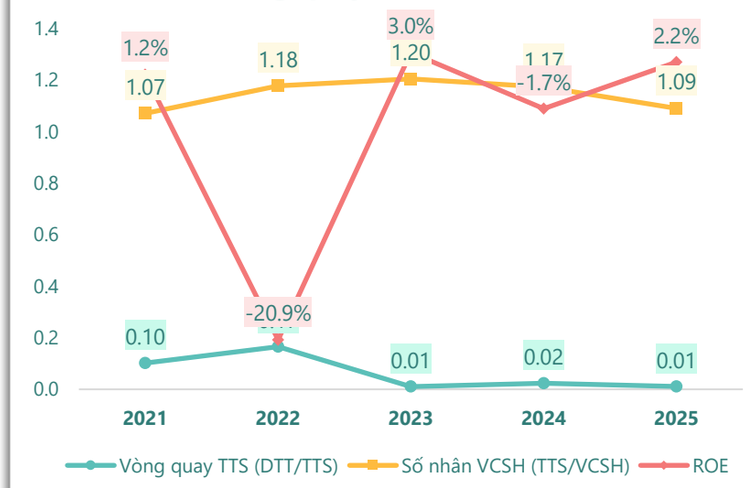
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



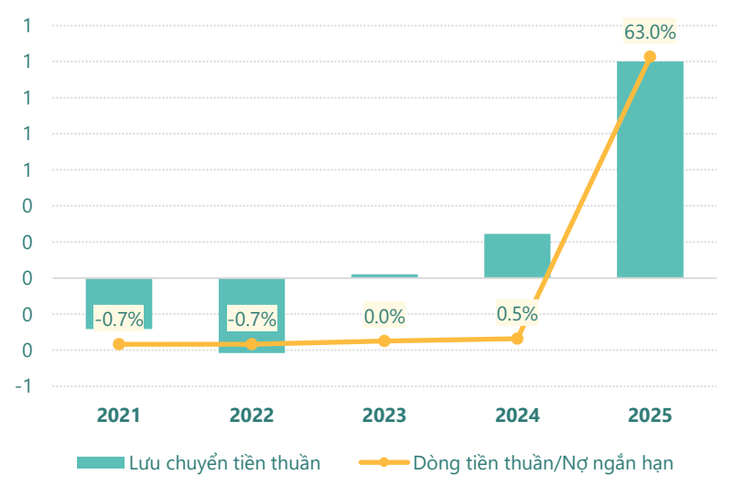
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.54**	**0.12**	**1183%**	**3.09**	**7.45**	**-58.6%**
Giá vốn hàng bán	1.46	0.12	1113%	2.82	7.36	-61.7%
Lợi nhuận gộp	0.08	0.01	749%	0.26	0.09	210%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	3.22	-100.0%
Chi phí TC	-11.3	3.90	-390%	-8.96	6.40	-240%
Chi phí lãi vay	0	0.00		1.57	6.40	-75.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.29**	**0.46**	**-36.4%**	**3.28**	**1.55**	**112%**
LN thuần từ HĐKD	11.1	-4.36	355%	5.94	-4.64	228%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**0.20**	**-111%**	**-0.02**	**0.20**	**-111%**
LN trước thuế	11.1	-4.16	367%	5.92	-4.44	233%
Lợi nhuận sau thuế	**11.1**	**-4.16**	**367%**	**5.92**	**-4.44**	**233%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.1**	**-4.16**	**367%**	**5.92**	**-4.44**	**233%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.60	1.28	0.49	0.08	0.63	33.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.60	-0.90	-0.43	-0.60	-0.45	-32.5
Tiền đầu kỳ	1.38	0.18	0.56	0.63	0.11	0.29
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.20**	**0.38**	**0.06**	**-0.52**	**0.18**	**1.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.18	0.56	0.63	0.11	0.29	1.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**273**	**311**	**-12.3%**
Tài sản ngắn hạn	266	36.8	624%
Tiền và tương đương tiền	1.76	0.56	214%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	264	9.65	2634%
Hàng tồn kho	0.26	0.24	6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.47	26.4	-98.2%
Tài sản dài hạn	**6.24**	**274**	**-97.7%**
Phải thu dài hạn	6.22	22.6	-72.5%
Tài sản cố định	0.02	0.03	-24.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	252	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.90	46.2	-95.9%
Nợ ngắn hạn	**1.90**	**46.2**	**-95.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	34.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.19	1.59	-24.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**271**	**265**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**271**	**265**	**2.2%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)